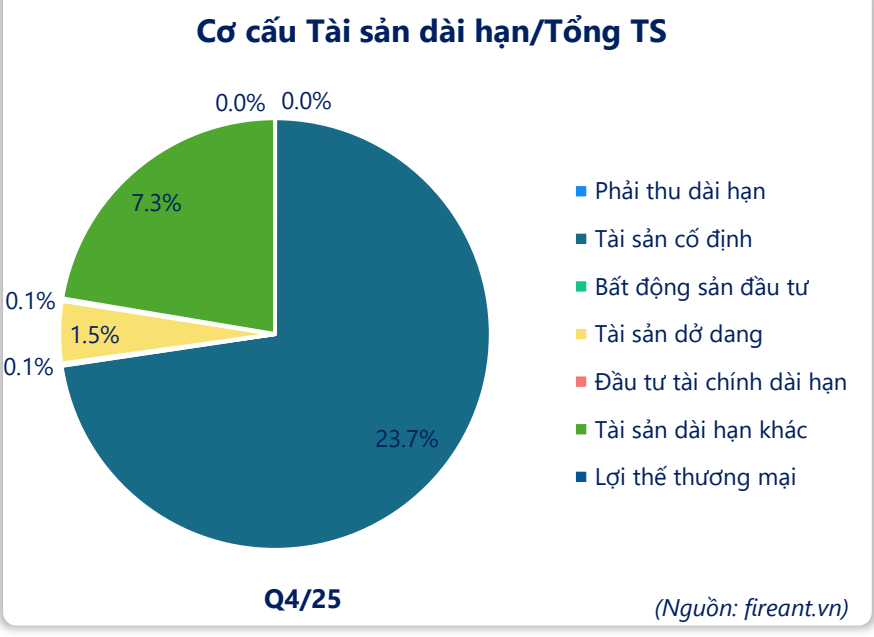
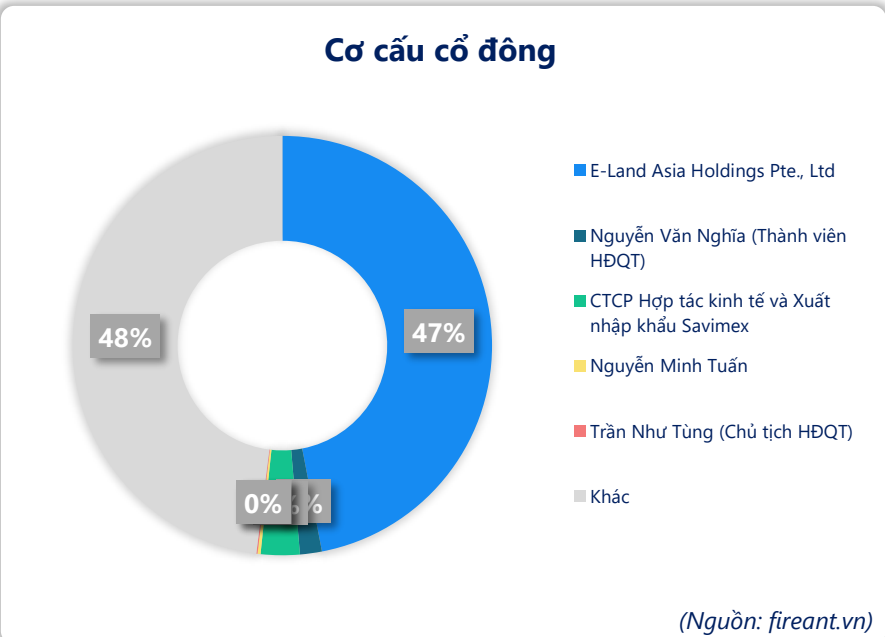
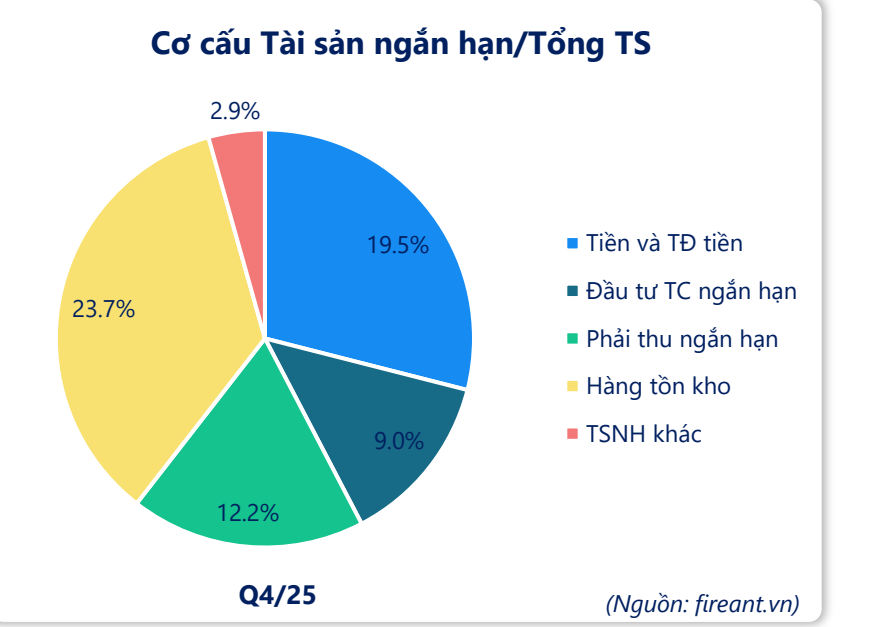
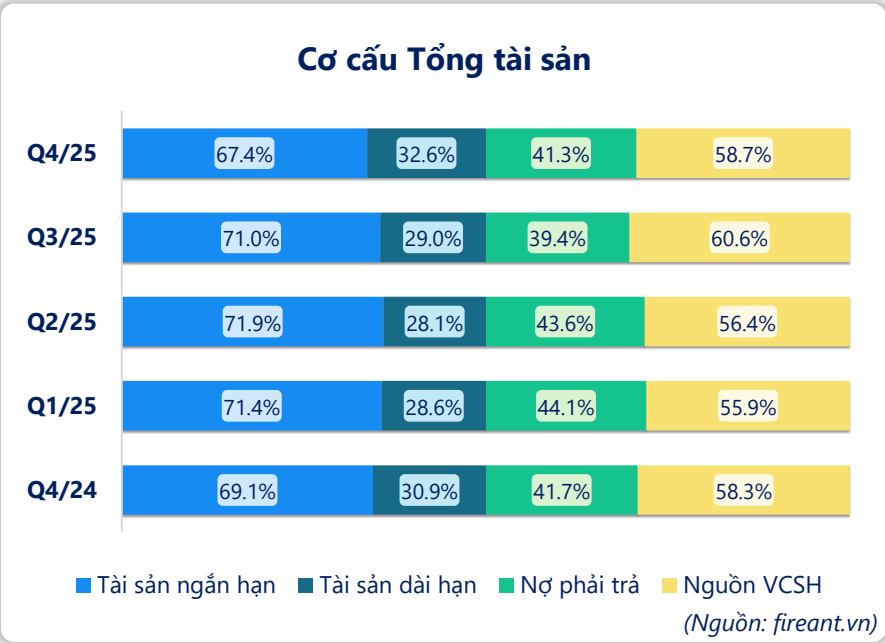
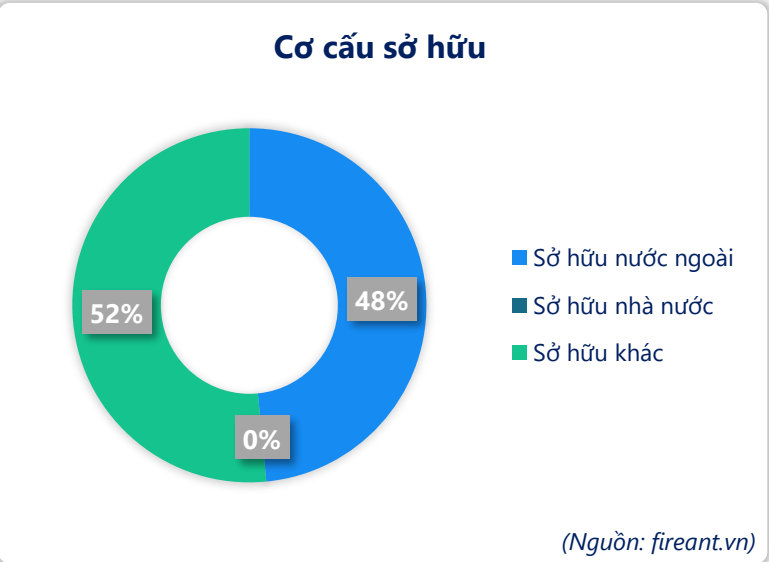
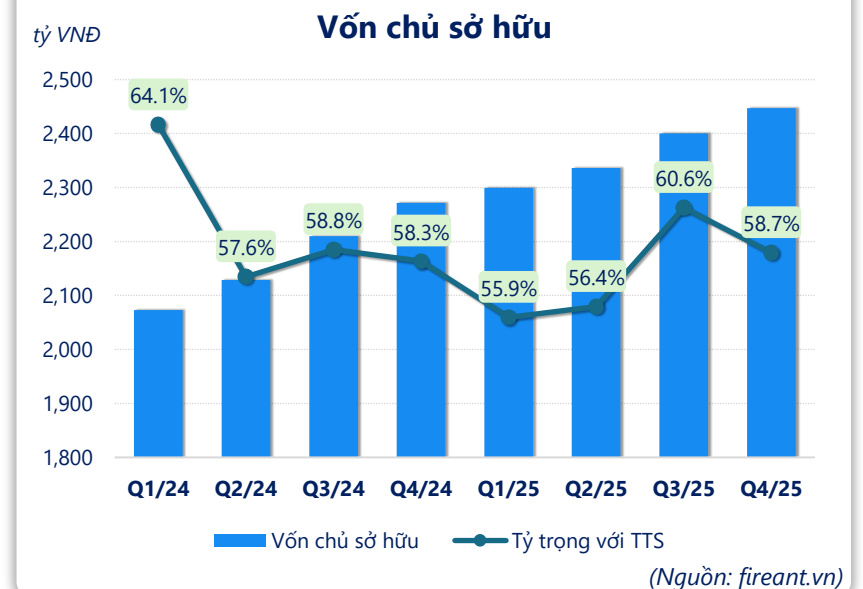
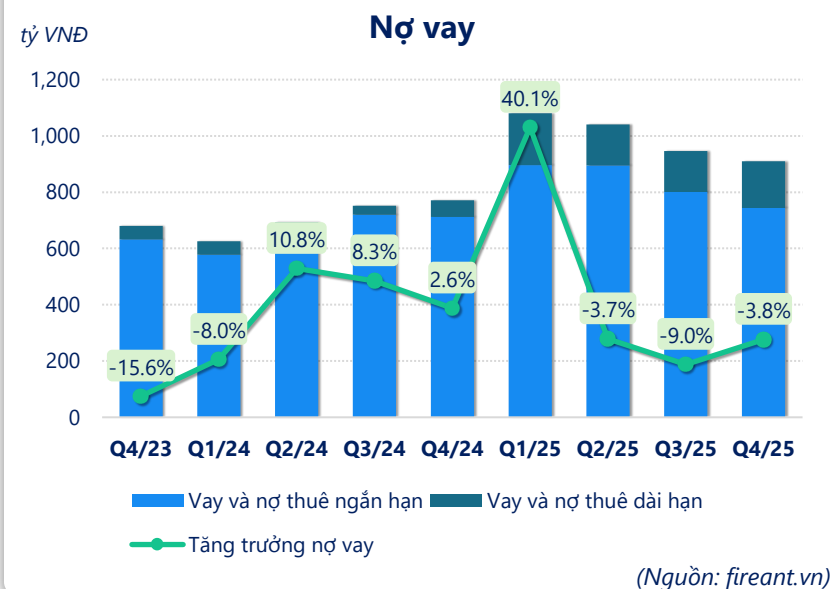
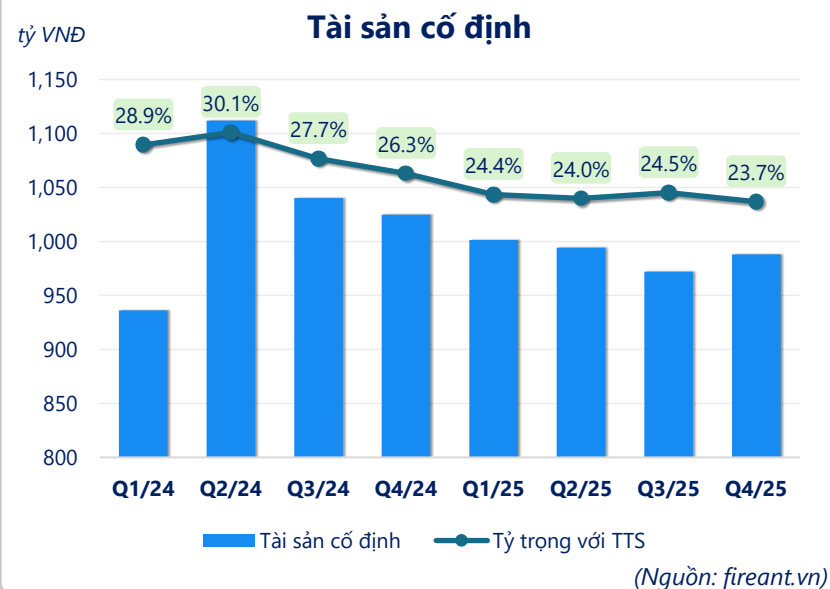
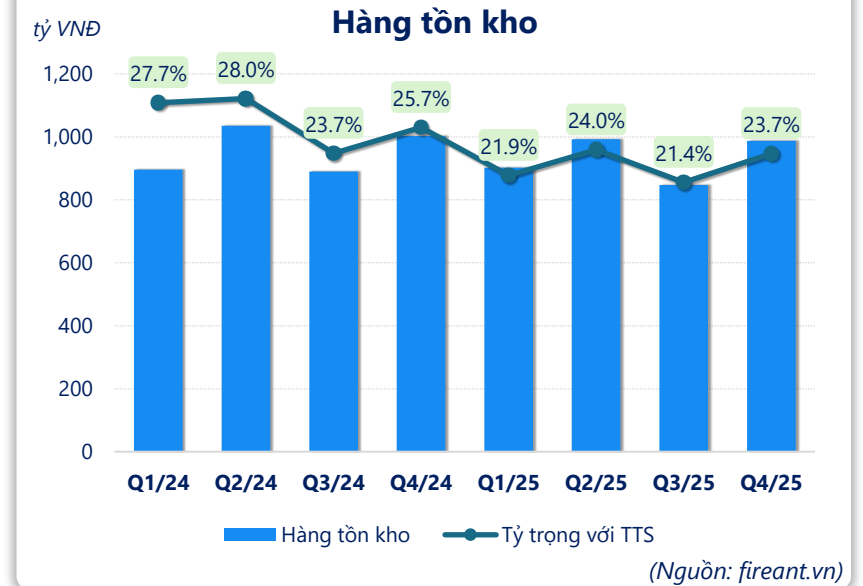
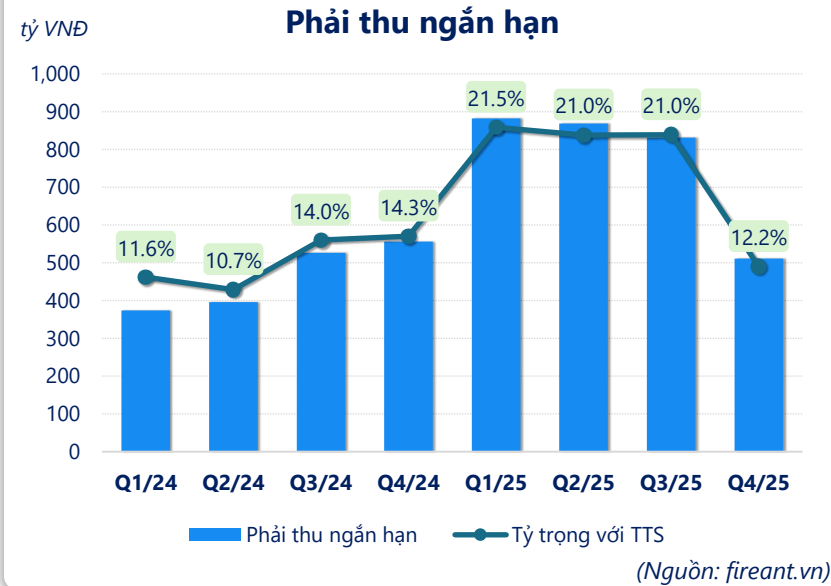
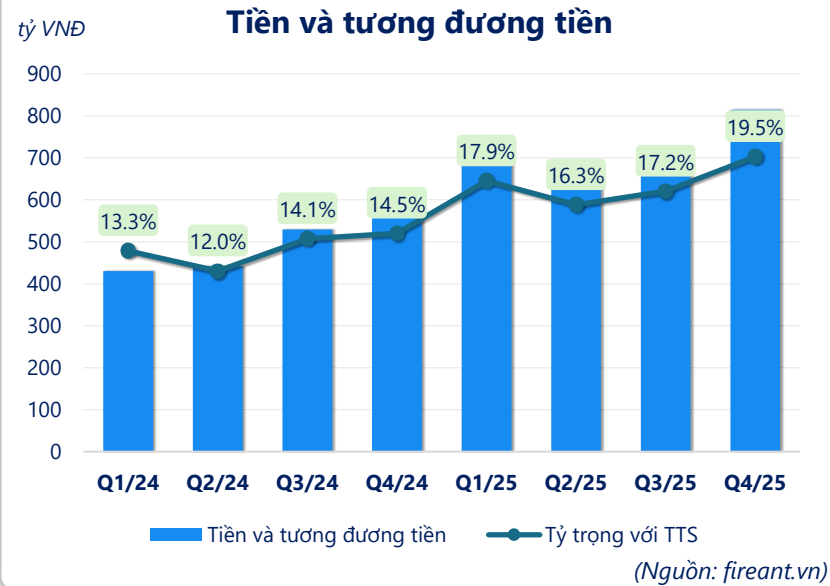
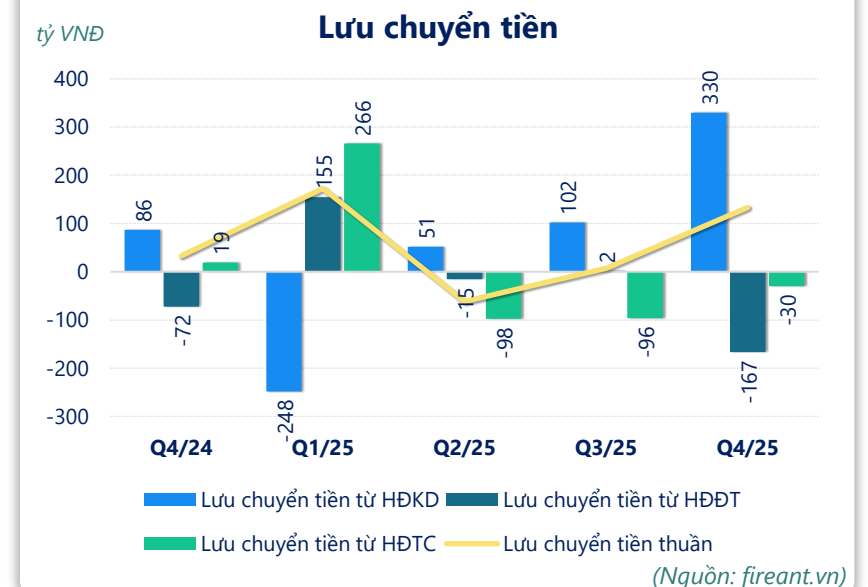
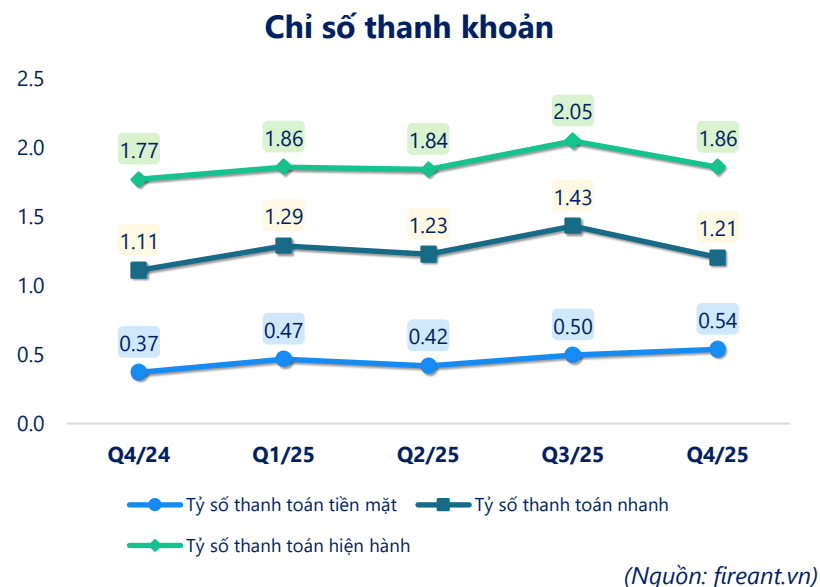
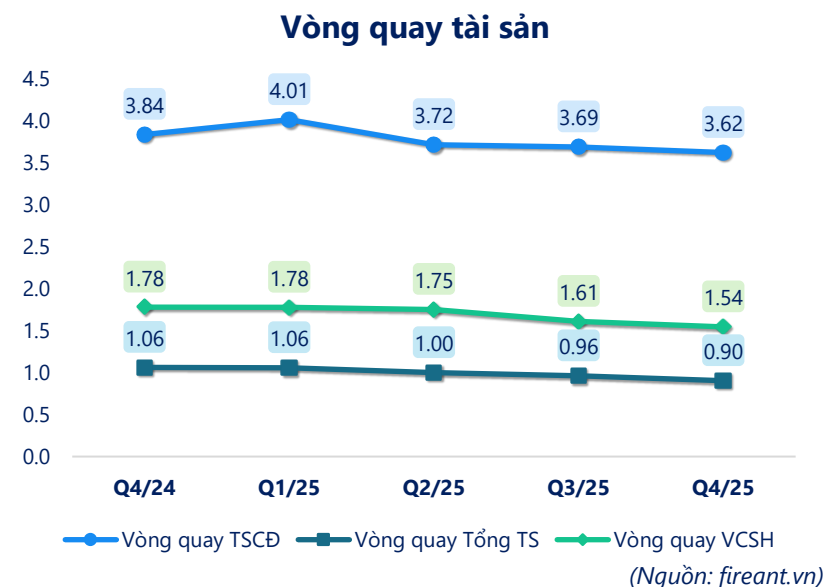
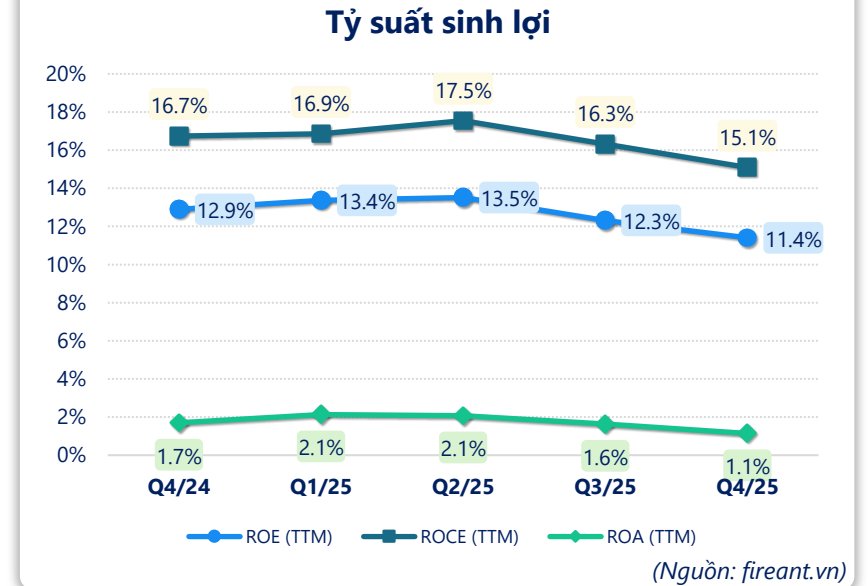
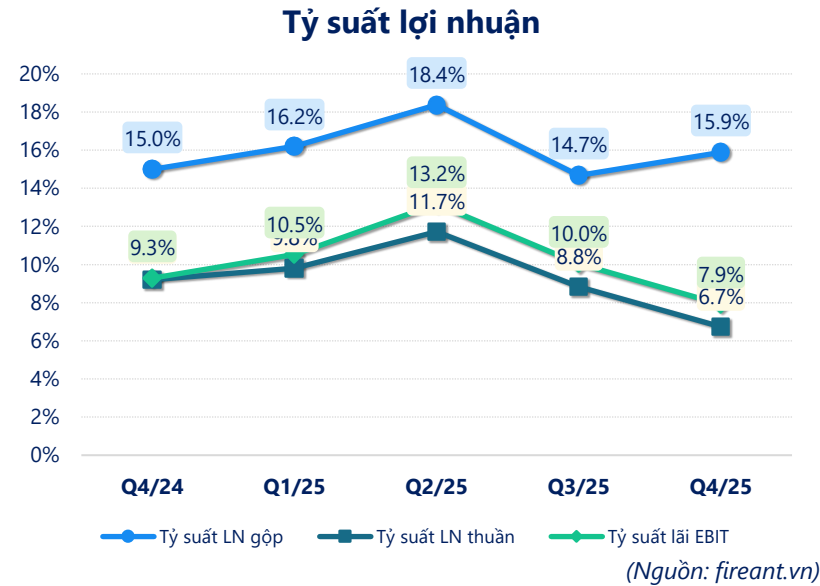
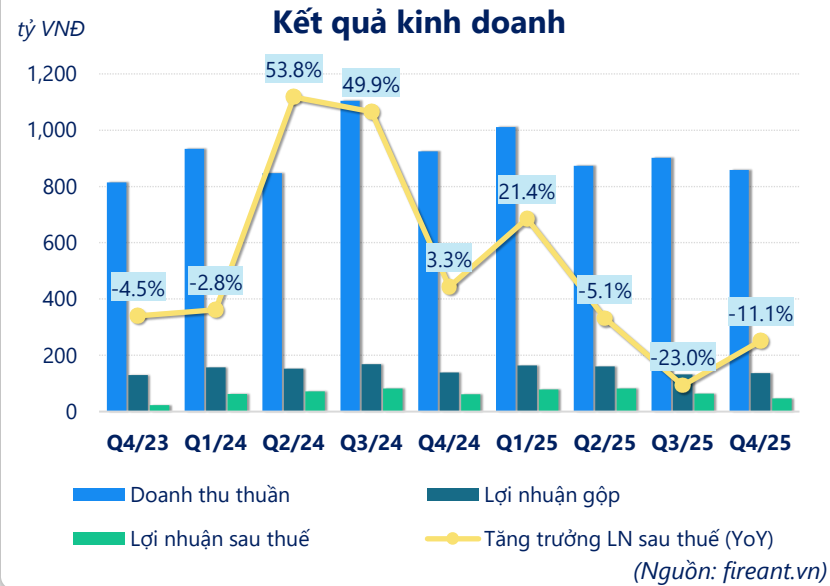


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		42,164
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,798
SL cổ phiếu LH		112,038,755
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,164,010
% sở hữu nước ngoài		48.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,980
P/E		11.1
EPS		2,402

	YTD	1T	3T	6T
TCM	-36.9%	-3.0%	-7.2%	-14.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,171	3,896	7.1%
Tài sản ngắn hạn	2,811	2,690	4.5%
Tiền và tương đương tiền	814	563	44.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	376	533	-29.5%
Phải thu ngắn hạn	511	556	-8.1%
Hàng tồn kho	987	1,003	-1.5%
Tài sản ngắn hạn khác	123	35.2	248%
Tài sản dài hạn	1,360	1,205	12.8%
Phải thu dài hạn	0.17	0.36	-53.5%
Tài sản cố định	988	1,025	-3.6%
Bất động sản đầu tư	2.24	2.31	-3.0%
Tài sản dở dang	63.3	65.9	-4.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.36	4.81	-50.9%
Tài sản dài hạn khác	304	107	183%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,724	1,624	6.2%
Nợ ngắn hạn	1,513	1,518	-0.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	743	712	4.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	402	479	-16.0%
Nợ dài hạn	211	106	100%
Vay và nợ thuê dài hạn	166	59.6	179%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,447	2,272	7.7%
Vốn chủ sở hữu	2,447	2,272	7.7%
Vốn điều lệ	1,121	1,020	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	925	1,011	873	902	858
Giá vốn hàng bán	786	847	713	770	722
Lợi nhuận gộp	139	164	160	132	136
Doanh thu HĐTC	26.1	23.9	26.5	27.7	13.4
Chi phí TC	13.9	15.1	19.5	14.0	12.3
Chi phí lãi vay	7.55	8.38	12.5	10.8	9.75
LN trong công ty LKLD	0	0	0	-0.09	0
Chi phí bán hàng	37.2	34.6	35.0	32.9	43.4
Chi phí QLDN	28.6	38.8	30.1	33.3	36.2
LN thuần từ HĐKD	85.1	99.1	102	79.8	57.8
Lợi nhuận khác	-6.77	-1.05	0.14	0.09	0.33
LN trước thuế	78.3	98.1	102	79.8	58.1
Lợi nhuận sau thuế	61.7	78.6	82.0	64.0	46.7
LNST của CĐ cty mẹ	60.9	78.3	81.4	63.3	46.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	86.5	-248	51.3	102	330
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-72.1	155	-15.4	1.94	-167
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	18.9	266	-97.6	-96.4	-30.0
Tiền đầu kỳ	530	563	737	677	683
Lưu chuyển tiền thuần	33.2	173	-61.7	7.51	133
Ảnh hưởng tỷ giá	0.56	0.63	2.16	-1.69	-1.69
Tiền cuối kỳ	563	737	677	683	814

(Nguồn: fireant.vn)